

Số: 558 /BC-SNN

Trà Vinh, ngày 23 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 8 và kế hoạch tháng 9 năm 2018 (Tính đến ngày 15/8/2018)

Tình hình sản xuất trong tháng có một số thuận lợi và khó khăn đan xen như: Mưa tương đối đều thuận lợi cho cây trồng phát triển, các loại bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi không phát sinh; giá một heo hơi, dừa khô tăng trở lại cùng với việc triển khai áp dụng khoa học kỹ thuật trong canh tác, sản xuất ngày càng rộng rãi, các chính sách đầu tư trong nông nghiệp tiếp tục triển khai thực hiện; các công tác chuyên môn tiếp tục thực hiện đạt theo tiến độ. Tuy nhiên, lốc xoáy làm thiệt hại 21 căn nhà của hộ dân; mưa, nắng đan xen làm biến động môi trường ao nuôi, ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi; giá cả đầu ra một số sản phẩm (tôm nuôi các loại, cua, dừa và một số loại rau màu) xuống thấp làm ảnh hưởng đáng kể đến thu nhập người sản xuất. Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của nông dân nên sản xuất nông nghiệp tiếp tục đạt được một số kết quả khả quan, cụ thể như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Tham mưu Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương VII khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Sơ kết 6 tháng đầu năm và triển khai kế hoạch 6 tháng cuối năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị sơ kết 05 năm thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp và tình hình thực hiện các chính sách đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt: Dự án Xử lý, cải thiện môi trường nông thôn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; rà soát Quy hoạch thủy lợi phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035; Kế hoạch hỗ trợ chăn nuôi nông hộ năm 2018 theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành quy định hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ đến năm 2020; Kế hoạch thực hiện Đề án kiểm soát tạp chất trong tôm nguyên liệu giai đoạn 2018 - 2020. Kế hoạch cấp nước an toàn tại các trạm cấp nước nông thôn năm 2018.

Tổ chức lấy ý kiến các Sở, ban, ngành tỉnh và địa phương có liên quan Kế hoạch triển khai chương trình hành động Quốc gia không còn nạn đói trên địa bàn tỉnh đến năm 2025; Lập báo cáo đánh giá tác động của chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư vào ngành hàng tôm đến năm 2025; đề nghị Sở Thông tin và Truyền

thông đăng tải dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 06/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh để lấy ý kiến góp ý của các tổ chức cá nhân.

2. Tình hình sản xuất

Ước giá trị sản xuất toàn ngành 8 tháng đầu năm 17.369 tỷ đồng, đạt 66,8% kế hoạch, tăng 6,37% so cùng kỳ, trong đó: Nông nghiệp đạt 65,63%, tăng 5,46%; lâm nghiệp đạt 67,21%, giảm 2,86%; thủy sản đạt 69,14%, tăng 8,5%.

a) Trồng trọt

Cây lúa: Thu hoạch 20.171 ha lúa Hè Thu, lũy kế đến nay 20.615 ha, đạt 27,18% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 5,35 tấn/ha, cao hơn cùng kỳ 0,1 tấn/ha. Diện tích nhiễm sâu bệnh 3.723 ha (giảm 399 ha so với tháng trước), gồm: Cháy lá 1.196 ha, tỉ lệ 5-10%; rầy nâu 1.092 ha mật số 750 - 1.500 con/m² cục bộ có 49 ha mật độ 1.500 - 3.000 con/m² tập trung ở một số xã của huyện Trà Cú; bệnh lem lép hạt 688 ha, tỉ lệ 5 - 10%; đạo ôn cổ bông 428 ha, tỷ lệ 2 - 5%; cháy bìa lá 288 ha, tỉ lệ 10 - 40%; sâu cuốn lá 32 ha, mật số phổ biến 10 - 20 con/m²; còn lại là một số loại sâu bệnh khác, mức độ gây hại không đáng kể. Huyện Càng Long xuống giống 5.210 ha lúa Thu Đông, hiện lúa ở giai đoạn mạ.

Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 3.502 ha, nâng đến nay gieo trồng 43.226 ha (cao hơn cùng kỳ 1.030 ha), đạt 78% kế hoạch, gồm: Màu lương thực 4.915 ha, màu thực phẩm 24.619 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 13.691 ha.

Từ đầu năm đến nay toàn tỉnh có 1.252 ha đất trồng lúa kém hiệu quả chuyển sang trồng các loại cây khác và kết hợp nuôi thủy sản, trong đó: Chuyển sang trồng cây ngắn ngày 718,7 ha, chuyển sang trồng cây ăn trái 195,6 ha, trồng dừa 162,9 ha, chuyển sang kết hợp nuôi thủy sản 35 ha và chuyển sang chuyên nuôi thủy sản 140 ha.

b) Chăn nuôi

Tình hình chăn nuôi gia cầm gặp khó khăn do ảnh hưởng những cơn mưa tập trung liên tục làm môi trường chăn nuôi ẩm ướt tạo điều kiện cho vi khuẩn phát triển, gia cầm bị bệnh chết rải rác, thêm vào đó do tập quán chăn nuôi nhỏ lẻ gây khó khăn cho công tác phun xịt, tiêu độc khử trùng chuồng trại. Chăn nuôi heo bắt đầu phát triển do giá heo hơi tiếp tục tăng 2.000 - 3.000 đồng/kg so tháng trước lên mức trên 50.000 đồng/kg, tuy nhiên, mức độ phát triển còn chậm do giá con giống tăng cao, người chăn nuôi sợ heo hơi bị rớt giá trở lại. Bên cạnh những khó khăn trên, tình hình chăn nuôi của tỉnh cũng nhận được tín hiệu khả quan như giá bò hơi, gia cầm đang tăng trở lại những tháng gần đây nên đàn bò và đàn gia cầm tiếp tục phát triển. Ước tính đàn trâu, bò 209.674 con, tăng 6.380 con so cùng kỳ; đàn heo 335.960 con, tăng 4.500 con; gia cầm 4.659 ngàn con, tăng 467 ngàn con.

c) Lâm nghiệp

Tổ chức giao 10.000 cây giống lâm nghiệp phân tán trồng ven các tuyến đường giao thông nông thôn. Nâng tổng số đến nay đã giao được 65.000 cây giống lâm nghiệp phân tán, vượt 30% kế hoạch; tiếp tục tổ chức đấu thầu trồng 35,5 ha

rừng phòng hộ, đồng thời lập dự toán và thiết kế thi công trồng 80 ha rừng thuộc Dự án đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ. Tổ chức 120 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản; phát hiện và xử lý 03 trường hợp vi phạm, nâng tổng số đến nay tổ chức 661 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, phát hiện và xử lý 10 trường hợp vi phạm; cấp 12 giấy phép xuất bán động vật hoang dã; chuẩn bị nghiệm thu cơ sở khoán bảo vệ rừng, diện tích là 5.160 ha.

d) Thủy sản

Sản lượng thu hoạch trong tháng 20.002 tấn, nâng tổng số đến nay 123.797 tấn, đạt 61,4% kế hoạch, tăng 3.379 tấn so cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi thủy sản: Thả nuôi 3.481 ha, thu hoạch 12.907 tấn (2.284 tấn cá lóc, 2.071 tấn tôm sú, 5.710 tấn tôm thẻ chân trắng,...), nâng tổng số đến nay thả nuôi 35.458 ha, thu hoạch 73.687 tấn (17.517 tấn cá lóc, 7.935 tấn tôm sú, 28.075 tấn tôm thẻ chân trắng,...), đạt 58% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 1.108 tấn, trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 107 triệu con tôm sú giống, diện tích 1.901 ha; 407 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 635 ha; thu hoạch 8.901 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 1,52 tỷ con tôm sú giống, diện tích 23.955 ha; 3,76 tỷ con tôm thẻ chân trắng, diện tích 6.656 ha; 200 triệu con cua biển, diện tích 1.036 ha; thu hoạch 41.200 tấn (cao hơn cùng kỳ 7.024 tấn). Tuy nhiên, trong tháng do mưa nhiều môi trường ao nuôi biến động ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi đã làm thiệt hại rải rác ở các xã nuôi của huyện Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải ở giai đoạn 20-60 ngày tuổi và có dấu hiệu của bệnh đốm trắng, hoại tử gan tụy cấp,... Từ đầu vụ nuôi đến nay, đã làm thiệt hại 110 triệu con tôm sú giống (chiếm 7% lượng con giống thả nuôi chung), diện tích 507 ha (chiếm 2,1%); 675 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 18% lượng con giống thả nuôi), diện tích 1.127 ha (chiếm 16,9%).

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 35,5 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 945 ha (cá lóc 8,5 triệu con, diện tích 19 ha; cá tra 646 ngàn con, diện tích 2,7 ha), thu hoạch 4.007 tấn. Nâng tổng số thả nuôi 208,5 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 2.949 ha (cá lóc 91 triệu con, diện tích 192,6 ha, cá tra 19,4 triệu con, diện tích 44,9 ha); thu hoạch 32.487 tấn, đạt 45,5% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 8.133 tấn.

- Khai thác thủy sản: Sản lượng khai thác trong tháng 7.095 tấn (732 tấn tôm), nâng tổng số 50.110 tấn (7.839 tấn tôm), đạt 67% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 4.487 tấn, trong đó:

+ Khai thác nội đồng: 561 tấn (169 tấn tôm), nâng tổng số 5.946 tấn (1.919 tấn tôm), đạt 51,2% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 138 tấn.

+ Khai thác hải sản: 6.534 tấn (563 tấn tôm), nâng tổng số đạt 44.164 tấn (5.920 tấn tôm), đạt 69,9% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 4.349 tấn.

Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 1.319 tấn thủy sản (tôm sú 307 tấn, tôm thẻ 689 tấn), chế biến 903 tấn, tiêu thụ 681 tấn, kim ngạch xuất khẩu 6,9 triệu USD. Nâng tổng sản lượng các doanh nghiệp thu mua 9.470 tấn thủy sản (tôm sú 1.025 tấn, tôm thẻ 4.957 tấn), chế biến 5.484 tấn, tiêu thụ 4.362 tấn, kim ngạch xuất khẩu 34,4 triệu USD.

Quản lý tàu cá, cảng cá:

- Kiểm tra an toàn kỹ thuật 60 tàu, cấp phép đóng mới, cải hoán 09 tàu, đăng ký 13 tàu, cấp 26 sổ danh bạ (97 thuyền viên), cấp 37 giấy phép khai thác thủy sản, xoá bộ 01 tàu. Nâng tổng số đã kiểm tra an toàn kỹ thuật 394 tàu, cấp phép đóng mới, cải hoán 83 tàu, đăng ký 123 tàu, cấp 138 sổ danh bạ (573 thuyền viên), cấp 371 giấy phép khai thác thủy sản, xoá bộ 29 tàu, cấp 04 giấy chứng nhận an toàn thực phẩm. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 1.194 tàu cá được đăng ký, giảm 31 tàu, tổng công suất 138.272 CV, tăng 14.533 CV (309 tàu có công suất từ 90 CV trở lên, tăng 40 tàu).

- Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 1.597 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 2.619 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 138,6 triệu đồng. Nâng tổng số đến nay đã thu dịch vụ sử dụng cảng 11.399 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 14.561 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 868,2 triệu đồng; cấp 58 giấy chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu, khối lượng 1.238 tấn.

3. Phát triển nông thôn

a) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

Các địa phương tổ chức lồng ghép 154 cuộc tuyên truyền cho 3.856 lượt người. Nâng tổng số đến nay tổ chức lồng ghép 1.071 cuộc tuyên truyền cho 35.463 lượt người; công nhận 150.030 hộ (đạt 67,18% số hộ phát động) và 244 ấp (chiếm 35,7%) đạt chuẩn nông thôn mới. Kết quả có 30 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 07 xã đạt từ 14 – 18 tiêu chí, 27 xã đạt 10 – 13 tiêu chí, 21 xã dưới 10 tiêu chí.

Tổng nguồn vốn huy động thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 507,59 tỷ đồng (vốn Trung ương 114,9 tỷ đồng; ngân sách tỉnh 107,2 tỷ đồng; vốn lồng ghép 217,51 tỷ đồng; vốn tín dụng 37,51 tỷ đồng; vốn dân và vốn khác 27,47 tỷ đồng). Các địa phương đang triển khai thực hiện đầu tư các công trình xây dựng cơ bản và hỗ trợ phát triển sản xuất, đã giải ngân đạt trên 30% nguồn vốn phân bổ.

b) Chương trình bố trí dân cư

Theo dõi kết quả trình xin chủ trương tiếp tục thi công các hạng mục còn lại của dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa; phối hợp UBND thị xã Duyên Hải, xã Trường Long Hòa và Hiệp Thạnh hỗ trợ di dời 10 hộ dân vào nơi ở mới an toàn.

c) Phát triển kinh tế hợp tác: Phối hợp Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, UBND các xã tổ chức 25 lớp tập huấn thành lập mới, tuyên truyền nhận thức và củng cố HTX cho 550 người. Tổng hợp báo cáo sơ kết 02 năm triển khai thực hiện Đề án thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng ĐBSCL giai đoạn 2016 - 2020; báo cáo tình hình kinh tế hợp tác năm 2018 và xây dựng dự toán năm 2019 theo yêu cầu của Cục Kinh tế hợp tác; xây dựng chi tiết dự toán nguồn kinh phí 2 tỷ đồng để hỗ trợ công tác tuyên truyền, xúc tiến thương mại và hỗ trợ xây dựng mô hình liên kết của các hợp tác xã kiểu mới.

d) Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Lắp đặt cho 618 hộ sử dụng nước máy, nâng tổng số đến nay đã cung cấp cho 112.038 hộ; triển khai thực hiện mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch xã Đức Mỹ; lắp Kế

hoạch Dự toán duy tu, sửa chữa các trạm cấp nước sinh hoạt nông thôn; triển khai đấu thầu Dự án xử lý, cải thiện vệ sinh và môi trường nông thôn năm 2018 và mua ống, lắp đặt đường ống dẫn nước sinh hoạt ở các xã Phước Hảo, Đa Lộc, Hòa Minh, huyện Châu Thành và xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long.

4. Xây dựng cơ bản

Tiếp tục theo dõi tình hình triển khai thực hiện 28 dự án (04 dự án hoàn thành, 16 dự án chuyển tiếp và 08 dự án khởi công mới), gồm: 06 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 12 công trình đê, kè; 10 công trình dân dụng; giải ngân 61,2 tỷ đồng, đạt 14% kế hoạch vốn phân bổ (do bổ sung thêm vốn).

5. Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão

Các địa phương tổ chức thực hiện 06 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 4.698 m, khối lượng 20.153 m³. Nâng tổng số đến nay các địa phương tổ chức thực hiện được 373 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 277.357 m, khối lượng 919.580 m³, đạt 92,7% kế hoạch đăng ký ban đầu.

Tham gia nghiệm thu kỹ thuật công trình Xử lý sục lún, hư hỏng 60 vị trí mái kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh; tổ chức 16 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 04 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 122 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 13 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định.

Kiểm tra 14 cơ sở sản xuất, kinh doanh nước uống đóng chai trên địa bàn huyện Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang và Duyên Hải, kết quả 06 cơ sở đạt loại A, 08 cơ sở đạt loại B.

Trong tháng, xuất hiện lốc xoáy làm thiệt hại 21 căn nhà, ước thiệt hại khoảng 585 triệu đồng (sập hoàn toàn 04 căn trên địa bàn xã Hiệp Mỹ Tây, tốc mái 17 căn trên địa bàn xã Hiệp Mỹ Tây, huyện Cầu Ngang, xã Hiệp Trung và thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần)

6. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành: Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp đối với 67 cơ sở, thu 57 mẫu vật tư nông nghiệp, thực phẩm, thủy sản để kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa và chỉ tiêu an toàn thực phẩm; ra quyết định xử phạt 13 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay đã thanh tra 646 lượt cơ sở, phương tiện, thu 183 mẫu vật tư nông nghiệp để kiểm tra chất lượng; ra quyết định xử phạt 76 trường hợp vi phạm theo đúng quy định pháp luật.

7. Công tác bảo vệ thực vật, thú y, quản lý chất lượng nông lâm thủy sản và ATVSTP

a) Công tác bảo vệ thực vật: Tổ chức 01 lớp tập huấn về phòng, trị bệnh đốm nâu trên cây thanh long cho 24 lượt nông dân dự và 01 lớp tập huấn cấp phép kinh doanh phân bón cho 110 người; 04 chuyên khám bệnh lưu động trên cây trồng có 154 nông dân mang bệnh phẩm đến tư vấn; phóng thích 300 bọ đuôi kim ra môi trường tự nhiên để khống chế bọ cánh cứng hại dưa. Lũy kế đến nay đã tổ chức 10 chuyên khám bệnh lưu động trên cây trồng có 322 nông dân mang bệnh phẩm đến tư vấn; nhân nuôi 247.750 ong ký sinh và 7.259 bọ đuôi kim phóng

thích ra tự nhiên để quản lý bọ cánh cứng hại dừa; tổ chức 05 lớp tập huấn cấp phép kinh doanh phân bón và thuốc bảo vệ thực vật cho 550 người.

b) Công tác thú y:

Tiêm phòng cúm 221.292 gia cầm, LMLM 946 gia súc, bệnh dại 942 chó, mèo, các bệnh thường xuyên 309.997 gia súc và các loại vaccine khác 569.077 liều. Nâng tổng số tiêm phòng cúm 2.221.089 gia cầm (đạt 81,74% so diện tiêm), LMLM 19.822 gia súc (đàn bò đạt 10,84% so diện tiêm), vaccine tai xanh heo 880 con; phòng dại 12.333 chó, mèo, phòng các bệnh thường xuyên 875.885 gia súc và các loại vaccine khác 2,53 triệu liều.

Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tính 32.265 con gia súc, 306 ngàn con gia cầm và 61 tấn sản phẩm động vật. Nâng đến nay kiểm dịch được 259.443 con gia súc, 251 triệu con gia cầm và 482 tấn sản phẩm động vật.

Kiểm dịch 13,6 triệu con tôm sú giống, 119 triệu con tôm thẻ chân trắng; thực hiện 08 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 06 mẫu giáp xác phân tích phục vụ nuôi thủy sản. Nâng đến nay đã kiểm dịch 103,9 triệu con tôm sú giống, 1.117 triệu con tôm thẻ chân trắng, thực hiện 67 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 92 mẫu giáp xác phân tích phục vụ nuôi thủy sản (39 mẫu nhiễm đốm trắng).

c) Công tác quản lý chất lượng nông lâm thủy sản và ATVSTP

Kiểm tra, đánh giá 14 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản, kết quả 11 cơ sở loại A, 03 cơ sở loại B; cấp 09 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP và 25 giấy xác nhận kiến thức ATTP; tổ chức thu 69 mẫu nông sản thực phẩm phân tích, kiểm nghiệm giám sát dư lượng chất độc hại. Nâng tổng số đến nay đã kiểm tra, đánh giá 174 cơ sở về điều kiện bảo đảm ATTP có 103 cơ sở loại A, 71 cơ sở loại B; cấp 49 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP và 120 giấy xác nhận kiến thức ATTP; thu 500 mẫu (227 mẫu nông sản, 273 mẫu thủy sản) phân tích, kiểm nghiệm chất lượng phát hiện 18 mẫu vi phạm.

8. Công tác khuyến nông và công tác giống

a) Công tác khuyến nông

Tiếp tục thực hiện Đề tài xây dựng và hoàn thiện quy trình nuôi tôm thẻ chân trắng hai giai đoạn thích ứng biến đổi khí hậu, hiện tôm nuôi đã thu hoạch 02 đợt (đợt 1 năng suất 14 tấn/ha, đợt 2 năng suất 19,6 tấn/ha), đợt 3 tôm ở giai đoạn 84 ngày tuổi, trọng lượng 60 con/kg phát triển tốt; theo dõi và hướng dẫn kỹ thuật cho 28 hộ nhận nuôi 80 con bò sinh sản của Dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò thịt chất lượng cao tại Trà Vinh, đã đào tạo 06 kỹ thuật viên dự án, tập huấn cho 100 lượt nông dân và cấp giống hạt cỏ cho các hộ tham gia mô hình.

Tổ chức 58 lớp tập huấn cho 1.381 lượt nông dân về kỹ thuật trồng lúa, dưa leo theo hướng an toàn sinh học, rau an toàn, đậu phộng, đậu xanh, môn súp, trồng cây có múi; chăn nuôi gia súc, gà đệm lót sinh học, kỹ thuật nuôi tôm sú, tôm thẻ, tôm thẻ siêu thâm canh, tôm càng xanh, cá lóc; tư vấn trực tiếp 1.483 lượt hộ về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và nuôi thủy sản. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 276 lớp tập huấn cho 8.444 lượt nông dân trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; 18 cuộc

hội thảo, tổng kết; tư vấn trực tiếp cho 5.392 lượt hộ về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; tiếp tục theo dõi 13 mô hình thuộc nguồn vốn sự nghiệp, khuyến nông quốc gia và các dự án kết hợp.

Kết hợp với Dự án AMD Trà Vinh tổ chức 12 lớp tập huấn tái cơ cấu ngành nông nghiệp cho cán bộ huyện, xã tại Duyên Hải, Cầu Ngang, Châu Thành và Trà Cú (50 đại biểu/lớp).

b) Công tác giống

Giống cây trồng: Khảo nghiệm 03 bộ giống lúa bộ A₀, A₁, A₂, diện tích 0,4 ha, lúa trong giai đoạn đẻ nhánh, phát triển tốt; khảo nghiệm bộ giống lúa chịu mặn ở vùng lúa tôm tại xã Đôn Châu, huyện Duyên Hải, diện tích 0,2 ha, lúa trong giai đoạn làm đồng, phát triển tốt; cung ứng 627 cây giống các loại. Lũy kế đến nay đã cung ứng trên 53,7 tấn lúa giống cấp xác nhận 1 và 7.295 cây giống các loại.

Giống thủy sản: Tiếp tục chăm sóc 268 con tôm càng xanh cái già (hủy đàn ấu trùng đợt 4 do bị bệnh đục cơ), mô hình sử dụng trùn quế làm thức ăn ương lươn từ hương lên giống (trọng lượng bình quân 350 con/kg); sản xuất 10,7 triệu con tôm giống các loại, 710 ngàn con cá lóc giống; cung ứng, điều tiết 16,8 triệu con tôm giống các loại, 2,08 triệu con cua biển giống, 11 triệu con cá lóc giống và 12 tấn cá các loại.

Giống vật nuôi: Đầu tư mô hình nuôi vịt biển quy mô 400, hiện còn 387 con (hao hụt 13 con), vịt được 35 ngày tuổi và 09 con dê Boer sinh sản để cung cấp con giống cho địa phương.

9. Tình hình thực hiện chính sách

Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg: Đến nay đã hỗ trợ đầu tư mua 40 con heo, bò đực giống, xây dựng 5.479 công trình khí sinh học, 2.788 liều tinh, 60 bình nitơ, đào tạo 29 dẫn tinh viên, giải ngân 28,71 tỷ đồng, đạt 73,5% kế hoạch vốn phân bổ. Hiện nay, các địa phương hoàn chỉnh thủ tục thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ năm 2017.

Chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND: Không phát sinh mới, đến nay chỉ có 01 dự án được phê duyệt, dự kiến tổ chức đánh giá, chứng nhận VietGAP trong quý IV năm 2018.

Chính sách hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ: Các huyện, thị xã, thành phố đang triển khai đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi, giao thông nội đồng phục vụ sản xuất lúa với tổng kinh phí phân bổ năm 2018 là 84,235 tỷ đồng.

Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg: Đang hướng dẫn các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện Tiểu Cần xây dựng phương án cánh đồng lớn sản xuất lúa để thực hiện. Đến nay, 07 có HTX nông nghiệp xin chủ trương xây dựng cánh đồng lớn. Hiện nay, trung ương đã ban hành Nghị định 98/2018/NĐ-CP bãi bỏ Quyết định 62/2013/QĐ-TTg, ngành đang chuẩn bị xây dựng chính sách cụ thể hoá Nghị định này để triển khai thực hiện.

Chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ - TTg: Đang tổ chức đầu thầu 09 lớp đào tạo nghề cho 272 lao động nông thôn, kinh phí 300 triệu đồng.

Chính sách hỗ trợ, phát triển HTX theo Quyết định số 2261/QĐ - TTg: Đã đưa 84 cán bộ trẻ về làm việc có thời hạn tại 42 hợp tác xã nông nghiệp; có 40 HTX nông nghiệp được giải ngân kinh phí hỗ trợ thành lập mới và 12 HTX tổ chức lại hoạt động.

Chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết 15/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nguồn vốn phân bổ năm 2017, đến nay đã giải ngân được 7,5/19 tỷ đồng để đầu tư trồng màu, trồng cây ăn trái,.... Năm 2018, UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch với tổng vốn đầu tư là 27,36 tỷ đồng, hiện nay các địa phương đang tiếp tục triển khai thực hiện vốn phân bổ của năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

II. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

1. Mặt được

Diện tích trồng màu được mở rộng và tăng hơn cùng kỳ, nhất là các loại rau màu thực phẩm; sản lượng các loại thủy sản nuôi có giá trị kinh tế cao (tôm, cua) đạt cao hơn cùng kỳ, khai thác nội đồng và khai thác hải sản được mùa.

Chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi nên các loại bệnh nguy hiểm tiếp tục được kiểm soát; chỉ xảy một số bệnh thông thường, mức độ nhỏ lẻ và thiệt hại không đáng kể. Tình hình chăn nuôi heo, bò, gia cầm phát triển khá.

Chủ động phối hợp tốt các địa phương hướng dẫn người nuôi thường xuyên theo dõi tình hình nuôi thủy sản, phòng chống bệnh trong mùa mưa và hướng dẫn kịp thời cho nông dân xử lý tình hình sâu bệnh trên cây trồng, không để phát sinh ra diện rộng qua những chuyến khám bệnh lưu động trên cây trồng và các thông báo, hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

Công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật tiếp tục được tăng cường giúp cho người dân ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất.

Công tác thanh, kiểm tra chuyên ngành được thực hiện thường xuyên góp phần hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm, việc buôn bán vật tư nông nghiệp giả, kém chất lượng.

2. Mặt hạn chế

Sản lượng thủy sản nuôi nước ngọt đạt thấp, đặc biệt là cá tra. Do giá cả và thị trường tiêu thụ không ổn định nên diện tích thả nuôi và sản lượng giảm đáng kể so cùng kỳ (giảm 7.539 tấn).

Việc chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác và kết hợp nuôi thủy sản đạt thấp do các loại sản phẩm này không tồn trữ được lâu và chưa liên kết được đầu ra, thiếu nhân công lao động, thiếu kỹ thuật,...

Công tác thủy lợi nội đồng thực hiện không đạt kế hoạch do các thủ tục triển khai thực hiện đúng theo quy định công trình xây dựng cơ bản nhưng địa phương

chưa chủ động ngay từ đầu năm; tình hình giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản còn rất chậm.

Công tác tuyên truyền, vận động hộ chăn nuôi thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh và tiêm phòng vaccine còn nhiều hạn chế; một số nơi chưa quan tâm nhiều cho công tác vận động tiêm phòng; tỷ lệ tiêm phòng một số loại vaccine còn thấp, đặc biệt là tiêm phòng LMLM và đại chó, mèo.

Các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn được đầu tư trên 15 năm, các tuyến ống cấp nước nằm dọc theo đường nông thôn trước đây; hiện nay các xã được đầu tư theo Chương trình MTQG nông thôn mới, các tuyến đường đã được đầu tư thành đường nhựa có mặt lộ từ 3,5m - 5,5m ảnh hưởng đến các công trình cấp nước nông thôn, gây thất thoát nước, tốn nhiều kinh phí để sửa chữa. Một số nơi có mật độ dân cư thưa (trung bình 50m/hộ), đơn vị chuyên môn chưa lắp đặt đường ống do chi phí đầu tư cao; một số công trình mở rộng tuyến ống các hộ dân không cho thi công qua phần đất của họ gây khó khăn cho việc thi công.

III. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG 9 NĂM 2018

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Tham mưu UBND tỉnh cụ thể hoá Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 về Bảo hiểm nông nghiệp; Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 về chính sách khuyến nông để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh và Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và phê duyệt: Quyết định thay thế Quyết định số 06/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Định mức kinh tế kỹ thuật một số loại cây trồng vật nuôi trên địa bàn tỉnh; Đề án giao rừng, cho thuê rừng, gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; Chương trình khuyến nông trọng điểm giai đoạn 2019 – 2021; Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2025; Kế hoạch hỗ trợ chăn nuôi nông hộ năm 2019 theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ đến năm 2020.

Tham mưu soạn thảo Quyết định thay thế Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND ngày 09/6/2014 ban hành quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương.

Tổ chức lấy ý kiến đóng góp các Sở, ban ngành tỉnh và địa phương có liên quan dự thảo Quyết định ban hành Quy định giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020 áp dụng trên địa bàn tỉnh.

Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin kinh phí từ nguồn Quỹ phòng chống thiên tai của tỉnh hỗ trợ huyện Càng Long và Tiểu Cần để gia cố sạt lở đê bao, bờ bao.

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn:

a) Trồng trọt:

Cây lúa: Kết hợp địa phương chỉ đạo xuống giống lúa Thu Đông theo khung lịch thời vụ; tăng cường công tác dự tính, dự báo và tiếp tục theo dõi các điểm dự báo sâu bệnh để kịp thời thông báo, hướng dẫn nông dân phòng trị nhất là bệnh đạo ôn lá và đạo ôn cổ bông; theo dõi tình hình rầy vào đèn để thu mẫu phân tích virus lùn lúa cỏ và bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá lúa; tổ chức tập huấn hướng dẫn nông dân phòng trừ sâu bệnh hại lúa Thu Đông mới xuống giống; xây dựng kế hoạch điều tra giá thành sản xuất lúa Hè Thu.

Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Hướng dẫn nông dân chăm sóc cây màu vụ mùa; triển khai thực hiện các mô hình quản lý phòng trừ sâu bệnh tổng hợp trên dưa leo, ớt; tiếp tục khuyến khích nông dân chuyển đổi từ sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng màu ở những nơi có điều kiện, tập trung phát triển một số cây chủ lực như: Bắp, đậu phộng, bí đỏ, ớt, các loại rau màu thực phẩm,...

b) Chăn nuôi: Tiếp tục phối hợp chính quyền địa phương rà soát thống kê tổng đàn gia cầm quy mô lớn và vận động hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm cam kết thực hiện những quy định trong công tác phòng, chống dịch bệnh; tiếp tục thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh về mô hình xử lý chất thải vật nuôi và tiêm phòng cúm gia cầm, LMLM gia súc tại Công văn số 2013/UBND-NN ngày 07/6/2018 và Công văn số 2412/UBND-NN ngày 09/7/2018.

c) Thủy sản: Theo dõi, giám sát tình hình nuôi và thống kê sản lượng thu hoạch các đối tượng chủ lực. Đồng thời, tiếp tục phân công cán bộ kỹ thuật phụ trách địa bàn hỗ trợ người nuôi tại những vùng nuôi trọng điểm. Quản lý chặt chẽ các khu nuôi tôm tự phát ngoài vùng quy hoạch, tránh lây lan dịch bệnh làm ảnh hưởng đến toàn vùng. Thường xuyên quan trắc môi trường, thu mẫu giáp xác tại các điểm sông đầu nguồn, thông báo trên Đài Phát thanh - Truyền hình để người dân có kế hoạch quản lý ao nuôi; thực hiện quản lý, kiểm dịch giống thủy sản nhập tỉnh và sản xuất tại địa phương; tổ chức tuyên truyền bảo vệ nguồn lợi thủy sản, quản lý tàu cá; khảo sát nguồn lợi thủy sản tại các vùng biển ven bờ. Triển khai thực hiện Đề án xây dựng, phát triển kế hoạch hành động truyền thông về công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh; rà soát phân vùng nuôi trồng thủy sản thâm canh và siêu thâm canh.

d) Lâm nghiệp: Tiếp tục bàn giao 10.000 cây giống lâm nghiệp phân tán cho các xã, thị trấn; tổ chức tuyên truyền các văn bản liên quan đến lĩnh vực quản lý bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản trên địa bàn huyện Châu Thành và Cầu Ngang. Tăng cường công tác tuần tra quản lý bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và quản lý động vật hoang dã; tổ chức đấu thầu chọn đơn vị thi công trồng 80 ha rừng thuộc Dự án đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ.

đ) Phát triển nông thôn:

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Xây dựng Đề án huy động nguồn lực đầu tư phát triển của tỉnh giai đoạn 2018 - 2020; kiểm tra, rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của các xã dự kiến đạt chuẩn năm 2018; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình đầu tư xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất; phối hợp với

Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 02 phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới.

Chương trình bố trí dân cư: Phối hợp Ban Quản lý các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh lập thủ tục triển khai thực hiện các hạng mục còn lại của dự án Di dân sạt lở áp Côn Phụng xã Long Hòa, huyện Châu Thành; phối hợp UBND thị xã Duyên Hải, Trường Long Hòa và Hiệp Thạnh vận động hộ dân xây dựng nhà ở trong khu dân cư tập trung.

Kinh tế hợp tác: Triển khai 09 lớp tập huấn cho các HTX về nâng cao nhận thức HTX và củng cố HTX trên địa bàn huyện Tiểu Cần, Cầu Kè và Duyên Hải; điều chỉnh các thủ tục mời thầu để triển khai nguồn vốn 02 tỷ đồng (theo góp ý của Tổ thẩm định); lập danh mục các ngành hàng, sản phẩm quan trọng thúc đẩy liên kết theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Rà soát mạng lưới cấp nước sạch nông thôn, đề xuất mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch cho người dân; Duy trì hoạt động cấp nước tại 162 trạm; tiếp tục mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch nông thôn và lắp mới đồng hồ nước cho khoảng 600 hộ.

3. Công tác chuyên môn

Công tác khoa học kỹ thuật: Tổ chức 30 lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; kết hợp với Dự án AMD Trà Vinh tổ chức 13 lớp tập huấn tái cơ cấu ngành nông nghiệp cho cán bộ huyện, xã tại Tiểu Cần, Cầu Kè, Càng Long, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh (50 đại biểu/lớp); tiếp tục phân công cán bộ tư vấn trực tiếp kỹ thuật nuôi tôm nước lợ tại các huyện ven biển; tổ chức triển khai, theo dõi các mô hình đang thực hiện thuộc các nguồn vốn và các chương trình kết hợp.

Chủ động phòng chống lụt bão, thiên tai, nhất là công tác tuyên truyền (Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh, thông tin đại chúng), chuẩn bị thật tốt cho công tác diễn tập; thông tin và triển khai các biện pháp quản lý tàu cá. Theo dõi nắm sát diễn biến thời tiết, khí tượng thủy văn, đặc biệt là tình hình mưa, bão, lốc xoáy; nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng công trình xử lý sục lún, hư hỏng vị trí mái kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh và bàn giao mặt bằng thi công công trình xử lý sục lún phát sinh mái kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh.

Kiểm tra tiến độ thực hiện các công trình xây dựng cơ bản, các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí, sớm hoàn tất thủ tục triển khai dự án đầu tư 1.200 m kè bờ biển xã Hiệp Thạnh; tập trung khảo sát toàn bộ các tuyến đê sạt lở để khắc phục ứng phó triều cường thời điểm cuối năm.

Tổ chức 03 lớp tuyên truyền phổ biến các quy định về ATTP nông sản, thủy sản cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông sản, thủy sản tại các huyện Châu Thành, Càng Long và Duyên Hải; hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATVSTP; thu mẫu kiểm soát an toàn vệ sinh vùng thu hoạch nghêu, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông, thủy sản. Đồng thời, tổ chức xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất kinh doanh nông, thủy sản đã đăng ký; tổ chức tham quan mô hình liên kết chuỗi ATTP tại tỉnh Tiền Giang và An Giang.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách đầu tư và nông nghiệp, nông thôn như: Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg; hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND; hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP; hỗ trợ, phát triển HTX giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg; hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết 15/2016/NQ-HĐND;....

Tiếp tục sản xuất, điều tiết cung ứng giống cây trồng, thủy sản; theo dõi các mô hình thực nghiệm, sản xuất giống đang thực hiện; tổ chức chuyển giao kỹ thuật chọn và ương dưỡng giống một số đối tượng nước lợ và ngọt.

Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng đúng qui định; tăng cường hoạt động chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

Tiếp tục thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra chuyên ngành tại Chi cục Thủy sản; thực hiện 06 cuộc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp.

Các phòng, đơn vị trực thuộc khẩn trương triển khai thực hiện các kế hoạch, đề án, dự án thuộc nguồn vốn sự nghiệp và các chương trình được phân bổ vốn năm 2018.

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu thủ trưởng các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện. / *ml*

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KHTC. *thư*

GIÁM ĐỐC



Đỗ Văn Khê



BÁO CÁO SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

THÁNG 8 NĂM 2017

(Ước tính đến ngày 15/8/2018)

ST T	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ năm 2017	KH vụ/năm 2018	TH tháng 8	Ước TH 8 tháng năm 2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2		3	4=3/1	5=3/2
I.	TRỒNG TRỌT							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	188.173	272.050	8.712	192.407	102,25%	70,72%
	Cây lương thực có hạt	Ha	149.245	221.650	5.405	152.103	101,92%	68,62%
1	Cây lúa	Ha	145.976	216.650	5.210	149.181	102,20%	68,86%
	Sản lượng	Tấn	489.305	1.153.000	116.478	563.321	115,13%	48,86%
	Trong đó:							
	Vụ mùa							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	2.367	1.650		1.697	71,69%	102,85%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2.367	1.650		1.697	71,69%	102,85%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	45,23	42,42		43,33	95,80%	102,13%
	- Sản lượng	tấn	10.705	7.000		7.353	68,69%	105,04%
	Vụ Đông - Xuân							
	- DT gieo sạ	ha	59.915	60.000		66.418	110,85%	110,70%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	59.915	60.000		66.418	110,85%	110,70%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	58,97	60,50		67,10	113,79%	110,91%
	- Sản lượng	tấn	353.296	363.000		445.658	126,14%	122,77%
	Vụ Hè Thu							
	- DT gieo sạ	Ha	77.037	77.000		75.856	98,47%	98,51%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	23.864	77.000	20.171	20.615	86,39%	26,77%
	- Năng suất	Tạ/ha	52,51	51,04	54,10	53,51	101,90%	104,84%
	- Sản lượng	tấn	125.304	393.000	109.125	110.311	88,03%	28,07%
	Vụ Thu Đông							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	6.657	78.000	5.210	5.210	78,26%	6,68%
	- Diện tích thu hoạch	Ha		78.000				0,00%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha		50,00				0,00%
	- Sản lượng	tấn		390.000				0,00%
2	Cây màu	Ha	42.197	55.400	3.502	43.226	102,44%	78,03%
2.1	Màu lương thực	Ha	5.220	7.750	405	4.915	94,17%	63,42%
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3.268,3	5.000	195	2.922	89,41%	58,44%
	- Diện tích thu hoạch	"	2.595	5.000	140	2.398	92,41%	47,96%
	- Năng suất	Tạ/ha	55,50	54,0	40,5	54,4	98,02%	100,74%
	- Sản lượng	Tấn	14.402	27.000	567	13.045	90,58%	48,32%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	986,8	1.200	83	1.023	103,68%	85,26%
	+ Diện tích thu hoạch	"	750	1.200	103	823	109,73%	68,58%
	+ Năng suất	Tạ/ha	170,10	158,3	160,7	172,0	101,12%	108,63%
	+ Sản lượng	Tấn	12.825	19.000	1.655	14.156	110,38%	74,50%
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	593	950	78	584	98,59%	61,50%
	+ Diện tích thu hoạch	"	387	950	10	382	98,71%	40,21%
	+ Năng suất	Tạ/ha	157,50	157,9	138,1	160,0	101,59%	101,33%
	+ Sản lượng	Tấn	6.095	15.000	138	6.112	100,27%	40,75%
	Cây có củ khác							

ST T	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ năm 2017	KH vụ/năm 2018	TH tháng 8	Ước TH 8 tháng năm 2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	372	600	49	386	103,67%	64,33%
	+ Diện tích thu hoạch	"	260	600	28	265	101,92%	44,17%
2.2	Cây thực phẩm	Ha	21.729	30.750	2.488	24.619	113,30%	80,06%
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	21.190,5	30.000	2.474	24.161	114,02%	80,54%
	+ Diện tích thu hoạch	"	16.150	30.000	2.600	18.859	116,77%	62,86%
	+ Năng suất	Tạ/ha	221,50	228,0	218,6	219,0	98,87%	96,05%
	+ Sản lượng	Tấn	357.723	684.000	56.827	413.012	115,46%	60,38%
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	538,07	750	15	459	85,27%	61,18%
	+ Diện tích thu hoạch	"	490,00	750	150	470	95,92%	62,67%
	+ Năng suất	Tạ/ha	18,20	17,3	14,5	18,9	103,85%	109,04%
	+ Sản lượng	Tấn	892	1.300	218	888	99,61%	68,33%
2.3	Cây công nghiệp hàng năm	Ha	11.363	13.300	350	10.900	95,93%	81,96%
	Đậu phộng							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.037,2	5.200	144	4.213	104,35%	81,01%
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.643	5.200	40	3.814	104,70%	73,35%
	+ Năng suất	Tạ/ha	53,40	51,54	56,64	51,80	97,00%	100,51%
	+ Sản lượng	Tấn	19.452	26.800	227	19.757	101,56%	73,72%
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	5.478,5	5.600	48	4.814	87,88%	85,97%
	+ Diện tích thu hoạch	"	4.400	5.600	-	5.457	124,02%	97,45%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.063	1.100	965,0	1.053,0	99,04%	95,73%
	+ Sản lượng	Tấn	467.808	616.000	-	579.633	123,90%	94,10%
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.847,2	2.500	158	1.873	101,40%	74,92%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.288	2.500	80	1.319	102,37%	52,76%
	+ Năng suất	Tạ/ha	108,70	110,0	78,7	112,6	103,59%	102,36%
	+ Sản lượng	Tấn	14.005	27.500	630	14.852	106,05%	54,01%
2.4	Cây trồng khác	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.885,4	3.600	259	2.791	71,85%	77,54%
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.500	3.600	400	2.297	91,88%	63,81%
II	LÂM NGHIỆP							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha	20	300			0,00%	0,00%
	- Chăm sóc rừng	Ha	413	680		713	172,63%	104,85%
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha	5164	5.519		5.160	99,92%	93,50%
	- Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây	1,68	50	10	65	3869,05%	130,00%
III	THỦY SẢN							
1	Tổng diện tích nuôi	Ha	33.865	52.000	3.481	35.458	104,70%	68,19%
1.1	Nuôi nước ngọt	"	2.183	3.500	945	2.949	135,05%	84,24%
	- Diện tích nuôi cá	"	1.264,04	2.000	242	1.334	105,55%	66,71%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba	"	27	50	3	45	165,12%	89,96%
	+ Cá lóc	"	222	270	19	193	86,97%	71,36%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	919	1.500	703	1.614	175,61%	107,62%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	919	1.500	703	1.614	175,61%	107,62%
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	31.681,6	48.500	2.536	32.509	102,61%	67,03%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	31.014	47.500	2.536	31.647	102,04%	66,63%
	Trong đó: + Tôm sú	"	23.553	22.000	1.901	23.955	101,71%	108,89%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	5.635	7.500	635	6.656	118,11%	88,75%
	+ Cua biển	"	1.826	18.000	-	1.036	56,75%	5,76%



ST T	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện cùng kỳ năm 2017	KH vụ/năm 2018	TH tháng 8	Ước TH 8 tháng năm 2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết)	"	668	1.000	-	862	129,04%	86,20%
2	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	120.418	201.600	20.002	123.797	102,81%	61,41%
2.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	74.795	126.900	12.907	73.687	98,52%	58,07%
2.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	40.620	71.300	4.007	32.487	79,98%	45,56%
	- Sản lượng cá	"	39.982	70.000	3.623	31.474	78,72%	44,96%
	Trong đó: cá tra, cá ba sa	"	13.478	23.500	114	5.939	44,06%	25,27%
	Cá lóc	"	18.041	30.000	2.284	17.517	97,09%	58,39%
	- Sản lượng tôm càng xanh	"	637	1.300	384	1.014	158,99%	77,97%
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
2.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	34.176	55.600	8.901	41.200	120,55%	74,10%
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	33.087	52.500	8.793	40.384	122,06%	76,92%
	Trong đó: + Tôm sú	"	7.691	11.800	2.071	7.935	103,17%	67,25%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	21.533	33.500	5.710	28.075	130,38%	83,81%
	+ Nuôi cua biển	"	3.863	7.200	1.012	4.374	113,23%	60,74%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	1.089	3.100	108	816	74,96%	26,33%
2.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	45.623	74.700	7.095	50.110	109,84%	67,08%
4.2.1	Khai thác biển	Tấn	39.815	63.100	6.534	44.164	110,92%	69,99%
	Trong đó: - Cá các loại	Tấn	17.001	26.000	2.479	19.244	113,19%	74,02%
	- Tôm các loại	Tấn	5.373	8.100	563	5.920	110,17%	73,08%
	- Thủy sản khác	"	17.440	29.000	3.492	19.000	108,94%	65,52%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	5.808	11.600	561	5.946	102,38%	51,26%
	Trong đó: - Cá các loại	"	3.052	5.500	289	2.805	91,90%	50,99%
	- Tôm các loại	"	1.744	3.500	169	1.919	110,06%	54,82%
	- Thủy sản khác	"	1.013	2.600	102	1.222	120,72%	47,02%
	* Tình hình thiệt hại tôm sú							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	20.486		1.546	20.712	101,10%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	1.877		258	1.330	70,86%	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	23.553		1.901	23.955	101,71%	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	834		102	507	60,77%	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1.660		107	1.528	92,04%	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	168		21	110	65,18%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	10		20	7	70,81%	
	* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	12.804		1.499	16.157	126,19%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	2.989		223	3.226	107,93%	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	6.656		635	6.656	100,00%	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	1.123		82	1.127	100,36%	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	3.763		407	3.763	100,00%	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	636		52	675	106,14%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	17		13	18	106,14%	